

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÀU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Ngô Văn Ích	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Võ Quang Long	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Đào Duy Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Tạ Thái Mẫn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Lê Phương Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)
Bà Ngô Thị Thu Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)
Bà Hà Kiệt Trân	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Ông Phan Nguyễn Anh Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2016)
Bà Bùi Nguyễn Tường Anh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/11/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Số: 17.314HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2017 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Huỳnh Thị Ngọc Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		308.853.160.003	87.102.850.383
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	27.902.299.558	33.148.772.237
1. Tiền	111		7.742.854.151	14.254.793.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.159.445.407	18.893.978.388
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	59.968.092.300	36.398.713.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		534.938.322	541.439.298
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(266.846.022)	(142.726.298)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		59.700.000.000	36.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.232.627.552	17.076.812.426
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	1.417.491.379	13.852.389.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.093.692.200	275.276.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.4)	3.994.195.833	3.211.373.779
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.5)	(272.751.860)	(262.227.080)
IV. Hàng tồn kho	140		214.250.382.769	
1. Hàng tồn kho	141	(5.6)	214.250.382.769	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		499.757.824	478.552.720
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		158.176.679	115.233.133
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	(5.10)	221.711.836	211.159.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(5.10)	119.869.309	152.159.713
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.233.512.894	41.475.065.937
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.539.301.900	23.516.425.300
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.4)	28.539.301.900	23.516.425.300
II. Tài sản cố định	220		3.298.372.427	3.672.765.599
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.8)	3.298.372.427	3.672.765.599
Nguyên giá	222		5.705.294.426	5.642.794.426
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.406.921.999)	(1.970.028.827)
III. Bất động sản đầu tư	240	(5.9)	7.126.437.407	8.683.966.847
1. Nguyên giá	241		23.369.528.709	23.369.528.709
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(16.243.091.302)	(14.685.561.862)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.7)	351.238.191	351.238.191
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		351.238.191	351.238.191
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	1.800.000.000	5.100.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.800.000.000	1.800.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			3.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		118.162.969	150.670.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			150.670.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		118.162.969	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		350.086.672.897	128.577.916.320

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		287.132.244.444	69.950.417.539
I. Nợ ngắn hạn	310		244.660.501.741	23.447.774.416
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311		590.463.000	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		897.807.000	290.780.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	7.756.381.303	7.862.247.911
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	1.342.103.287	1.540.182.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	19.073.891.088	75.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		30.420.000	27.500.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	18.191.274.615	12.503.638.423
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.14)	195.803.478.455	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.15)	974.682.993	1.148.425.626
II. Nợ dài hạn	330		42.471.742.703	46.502.643.123
1. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)	41.776.742.703	44.551.143.123
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.14)	695.000.000	1.951.500.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.954.428.453	58.627.498.781
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	62.954.428.453	58.627.498.781
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.16.2)	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.712.306.946	22.084.803.063
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.242.121.507	6.542.695.718
LNST, chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.791.348.157	3.526.690.222
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.450.773.350	3.016.005.496
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		350.086.672.897	128.577.916.320



Phê duyệt

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Người lập

Lê Tấn Tài
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	83.789.727.268	204.300.183.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.789.727.268	204.300.183.832
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	72.176.719.343	184.824.431.889
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.613.007.925	19.475.751.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	10.140.566.017	3.250.836.883
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	247.728.238	119.049.003
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		2.183.000	81.407.273
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		74.348.763	142.671.110
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.5)	11.908.242.828	15.101.768.280
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.523.254.113	7.363.100.433
12. Thu nhập khác	31		5.239.950	1.232.892.026
13. Chi phí khác	32		29.374.000	88.639.332
14. Lợi nhuận khác	40		(24.134.050)	1.144.252.694
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.499.120.063	8.507.353.127
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.7)	2.100.509.682	1.679.535.256
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(118.162.969)	264.000.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.516.773.350	6.563.817.871
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.516.773.350	6.563.817.871
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.16.4)	2.150	1.815
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.16.4)	2.150	1.815



Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Người lập

Lê Tấn Tài
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.499.120.063	8.507.353.127
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	(6.6)	1.994.422.612	1.990.255.944
Các khoản dự phòng	03		192.953.190	(28.973.820)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.275.980	(13.325.182)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.044.861.767)	(3.123.127.807)
Chi phí lãi vay	06		2.183.000	81.407.273
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.645.093.078	7.413.589.535
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.855.360.620	4.876.122.201
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(214.250.382.769)	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay)	11		20.133.936.403	(2.158.164.581)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		107.726.454	(137.339.379)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		6.500.976	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.183.000)	(52.238.273)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.10)	(1.300.474.666)	(1.315.903.386)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		80.000.000	300.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.572.665.333)	(1.257.061.570)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(188.297.088.237)	7.669.004.547
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(62.500.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(72.125.000.000)	(67.950.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.725.000.000	68.133.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.013.290.563	2.669.686.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.449.209.437)	2.852.686.807

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		196.828.478.455	1.922.590.830
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.281.500.000)	(2.425.590.830)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(54.610.000)	(5.757.190.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		194.492.368.455	(6.260.190.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(5.253.929.219)	4.261.501.354
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		33.148.772.237	28.857.553.583
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.456.540	29.717.300
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(5.1)	27.902.299.558	33.148.772.237



Phê duyệt

Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Người lập

Lê Tấn Tài
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn theo Quyết định số 5134/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần 3 số 0301055612 ngày 24 tháng 01 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 VND, chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	7.930.000.000	26,43%	15.300.000.000	51%
Các cổ đông khác	17.570.000.000	58,57%	14.700.000.000	49%
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	4.500.000.000	15,00%	-	-
Cộng	30.000.000.000	100,00%	30.000.000.000	100,00%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1,6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 60 người (31/12/2015: 2.051 người). Trong đó, nhân viên chính tại văn phòng Tập đoàn là 47 người (31/12/2015: 46 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ đa ngành; dịch vụ tiếp thị bia.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Dịch vụ tiếp thị bia;
- Các hoạt động liên quan đến bất động sản, kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê (trừ cho thuê đất), cho thuê nhà ở, cho thuê nhà phục vụ cho mục đích kinh doanh (văn phòng làm việc, ki-ốt, trung tâm thương mại);
- Cho thuê kho, bãi đậu xe;
- Dịch vụ nhà đất.
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Điều hành tour du lịch;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Vận tải hành khách bằng xe khách nội địa liên tỉnh;
- Khách sạn, nhà hàng, quán ăn (không hoạt động tại trụ sở);
- Đại lý bán vé máy bay;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn giáo dục, du học;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Giáo dục khác: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 3 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các công ty con như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Du Lịch	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn Nhân Lực	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương	Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.1.1. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua/bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.5. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cân trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị xây dựng các dự án được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm tiền thuê đất, chi phí thẩm định dự án, chi phí lãi vay được vốn hóa và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	08 năm
▪ Tài sản cố định hữu hình khác	03 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 13 năm
▪ Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
▪ Bất động sản đầu tư khác	10 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Trong năm 2016, Tập đoàn tiến hành phân phối lợi nhuận căn cứ theo Điều lệ của Tập đoàn đối với tỷ lệ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 10 năm 2016, cụ thể như sau:

- Quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập 15% trên lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ đầu tư phát triển trích lập 5% trên lợi nhuận sau thuế;
- Chia cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 16% trên mệnh giá cổ phiếu.

4.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay.

4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, báo cáo giám sát bảo vệ môi trường...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, công tác, tiền thuê đất...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	378.394.220	275.902.491
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.364.459.931	13.978.891.358
Các khoản tương đương tiền	20.159.445.407	18.893.978.388
Cộng	<u>27.902.299.558</u>	<u>33.148.772.237</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư cổ phiếu:				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	169.179.000	50.073.100	169.179.000	269.410.000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	134.827.022	42.240.000	134.827.022	47.184.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	140.000.000	395.400.000	140.000.000	140.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	59.389.600	26.160.000	59.389.600	27.600.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát	4.819.200	18.000.000	4.819.200	9.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.723.500	4.800.000	26.723.500	6.200.000
Cổ phiếu các công ty khác	-	-	6.500.976	3.730.800
Cộng	534.938.322	536.673.100	541.439.298	503.124.800
		(266.846.022)		(142.726.298)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất đến 7,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác: Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa (*)	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	-	-

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(*) Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Hộ Xanh CT - Dầu khí (CT Green) từ ngày 18/10/2016. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa với tỷ lệ vốn góp 10%

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty TNHH Nhà Máy Bia Việt Nam	175.031.736	12.216.744.506
Các khách hàng khác	1.242.459.643	1.635.645.221
Cộng	1.417.491.379	13.852.389.727

5.4. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa phần lợi nhuận năm 2016 của dự án 259 Điện Biên Phủ	2.000.000.000	-	-	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.854.300.333	-	847.770.000	-
Phải thu người lao động	69.995.500	-	155.099.380	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	6.000.000	-
Phải thu khác	63.900.000	-	2.202.504.399	-
Cộng	3.994.195.833	-	3.211.373.779	-
Dài hạn:				
Đặt cọc tiền thuê nhà: Số 28 Võ Trường Toản, phường An Phú, Quận 2, TP.HCM	12.876.491.900		13.667.615.300	
Số B2-201 Tháp Boulevard, City Garden	12.771.491.900	-	13.562.615.300	-
Số 16 Phùng Khắc Hoan, phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	55.000.000	-	55.000.000	-
Ký quỹ của người lao động đi nước ngoài (*)	6.348.810.000	-	6.348.810.000	-
Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án 259 Điện Biên Phủ, phường 7, Quận.3	5.814.000.000	-	-	-
Ký quỹ tại Ngân hàng Đông Á để xin giấy phép cho thuê lại lao động	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Ký quỹ hoạt động xuất khẩu lao động cho công ty	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	28.539.301.900	-	23.516.425.300	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(*) Kỳ quỹ của người lao động đi nước ngoài là khoản tiền thu kỳ quỹ xuất khẩu của người lao động đi nước ngoài theo qui định tại Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 và được gửi tại Ngân hàng TMCP Nam Á theo hợp đồng kỳ quỹ số 01HDKQ/NAB-SPSC ngày 12 tháng 03 năm 2014 - Xem thêm mục 5.13.

5.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	410.306.600	137.554.740	545.657.600	283.430.520

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND			Tại ngày 01/01/2016 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Vostock-1	189.534.800	-	Phá sản	189.534.800	-	Phá sản
Nghiệp đoàn Chushikoku Noşuisan Syikuhin Kyodo Kumiai	107.289.000	89.525.160	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Nghiệp đoàn Kazo Hifuku Kyodo Kumiai	40.609.800	34.503.480	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Công ty Cổ phần Katsuma	19.323.000	13.526.100	Từ 6 tháng - 1 năm	-	-	-
Nghiệp đoàn Ajia Kensetsu Keizi Kyryu Kyodo Kumiai	-	-	-	302.572.800	256.655.520	Từ 6 tháng - 1 năm
Các đối tượng khác	53.550.000	-	Trên 3 năm	53.550.000	26.775.000	Từ 1 - 2 năm
Cộng	410.306.600	137.554.740		545.657.600	283.430.520	

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Hàng tồn kho**

Là giá trị xây dựng dự án căn hộ cao cấp tại khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

STT	Nội dung	Số tiền
1.	Tiền thuê đất	195.848.933.000 (*)
2.	Chi phí lãi vay dự án	18.166.211.614
3.	Chi phí thẩm định dự án	235.238.155
	Cộng	<u>214.250.382.769</u>

(*) Tiền thuê đất được ghi nhận căn cứ vào thông báo nộp tiền sử dụng đất số 8981/TB-CT-KTTĐ ngày 14/08/2014 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

5.7. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Công trình 20-22-24 Nguyễn Thị Nhỏ	224.246.809	224.246.809
Công trình 223 Bến Bình Đông	126.991.382	126.991.382
Cộng	<u>351.238.191</u>	<u>351.238.191</u>

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	2.660.293.209	2.950.179.992	32.321.225	5.642.794.426
Mua trong năm	-	-	62.500.000	62.500.000
Tại ngày 31/12/2016	<u>2.660.293.209</u>	<u>2.950.179.992</u>	<u>94.821.225</u>	<u>5.705.294.426</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	1.037.514.348	900.193.254	32.321.225	1.970.028.827
Khấu hao trong năm	106.411.728	326.314.776	4.166.668	436.893.172
Tại ngày 31/12/2016	<u>1.143.926.076</u>	<u>1.226.508.030</u>	<u>36.487.893</u>	<u>2.406.921.999</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	1.622.778.861	2.049.986.738	-	3.672.765.599
Tại ngày 31/12/2016	<u>1.516.367.133</u>	<u>1.723.671.962</u>	<u>58.333.332</u>	<u>3.298.372.427</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 371.983.035 VND.

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2016 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.588.307.115	-	-	15.588.307.115
Cơ sở hạ tầng	7.781.221.594	-	-	7.781.221.594
Cộng	<u>23.369.528.709</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>23.369.528.709</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	9.234.304.536	1.063.978.536	-	10.298.283.072
Cơ sở hạ tầng	5.451.257.326	493.550.904	-	5.944.808.230
Cộng	<u>14.685.561.862</u>	<u>1.557.529.440</u>	<u>-</u>	<u>16.243.091.302</u>
Giá trị còn lại:				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.354.002.579			5.290.024.043
Cơ sở hạ tầng	2.329.964.268			1.836.413.364
Cộng	<u>8.683.966.847</u>			<u>7.126.437.407</u>

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.678.763.816 đồng.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phường Khắc Khoan, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016		Trong năm		Tại ngày 31/12/2016	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	211.159.874	1.291.911.151	6.842.979.156	(7.945.931.766)	221.711.836	199.510.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.159.713	212.946.738	2.191.352.980	(1.300.474.666)	119.869.309	1.071.534.648
Thuế thu nhập cá nhân	-	64.908.018	683.244.492	(595.778.096)	-	152.374.414
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	6.266.650.000	196.283.356.101	(196.283.356.101)	-	6.266.650.000
Thuế môn bài	-	-	12.000.000	(12.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	25.832.004	1.786.822.322	(1.746.342.588)	-	66.311.738
Cộng	363.319.587	7.862.247.911	207.799.755.051	(207.883.883.217)	341.581.145	7.756.381.303

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.11. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải trả lương nhân viên trong Tập đoàn	1.295.271.372	1.488.560.553
Phải trả lương nhân viên thời vụ	46.831.915	51.621.903
Cộng	<u>1.342.103.287</u>	<u>1.540.182.456</u>

5.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Lãi vay dự án	18.166.211.614	-
Chi phí thuê đất	851.679.474	-
Các khoản trích trước khác	56.000.000	75.000.000
Cộng	<u>19.073.891.088</u>	<u>75.000.000</u>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả lao động đi nước ngoài	11.679.044.431	12.450.492.331
Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa	4.368.914.156	-
<i>Các khoản thanh toán theo Phụ lục 03 của Hợp đồng số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group – xem thêm mục 9.1</i>	3.768.914.155	-
<i>Thu hộ tiền đặt cọc mua căn hộ dự án 259 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh</i>	600.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.747.290.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	396.026.028	53.146.092
Cộng	18.191.274.615	12.503.638.423
Dài hạn:		
Nhận đặt cọc tiền thuê nhà	35.208.082.703	37.982.483.123
<i>Số 28 Võ Trường Toản, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh</i>	35.021.082.703	37.795.483.123
<i>Số 20 Nguyễn Thị Nhỏ, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</i>	82.000.000	82.000.000
<i>Số 429 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</i>	20.000.000	20.000.000
<i>Số 252 Hải Thượng Lãn Ông, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Số B2-201 City Garden, 59 Ngõ Tắt Tố, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh</i>	55.000.000	55.000.000
Ký quỹ xuất khẩu lao động của người lao động đi nước ngoài (*)	6.348.660.000	6.348.660.000
Nhận đặt cọc hợp tác kinh doanh	220.000.000	220.000.000
<i>Số 8-10 Châu Văn Liêm, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Số 223 Bến Bình Đông, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh</i>	120.000.000	120.000.000
Cộng	41.776.742.703	44.551.143.123

(*) Khoản tiền thu ký quỹ xuất khẩu của người lao động đi nước ngoài được thực hiện theo Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 - Xem thêm mục 5.4.

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn là khoản vay Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa theo hợp đồng vay vốn số 126/HĐV/CT Green, ngày 19 tháng 12 năm 2014 để Tập đoàn nộp tiền sử dụng đất cho khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh với lãi suất 10%/năm.

Vay dài hạn là các khoản tiền vay từ người lao động đi nước ngoài từ trước năm 2013 như một hình thức ký quỹ nhằm tránh tình trạng bỏ trốn của người lao động (Theo Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 10 năm 2013 thì từ ngày 01 tháng 12 năm 2013 mới được phép thu tiền ký quỹ đối với lao động đi nước ngoài).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.15. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số dư đầu năm	1.148.425.626	987.998.845
Trích lập trong năm	1.066.000.000	1.117.488.351
Tăng khác	80.000.000	300.000.000
Sử dụng trong năm	(1.319.742.633)	(1.257.061.570)
Cộng	974.682.993	1.148.425.626

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2015	30.000.000.000	21.339.810.829	7.541.358.432	58.881.169.261
Lãi trong năm trước	-	-	6.563.817.871	6.563.817.871
Trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn	-	744.992.234	(744.992.234)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.117.488.351)	(1.117.488.351)
Chia cổ tức	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
Tại ngày 01/01/2016	30.000.000.000	22.084.803.063	6.542.695.718	58.627.498.781
Lãi trong năm nay	-	-	7.516.773.350	7.516.773.350
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.066.000.000)	(1.066.000.000)
Chia cổ tức 2016	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Hoàn nhập Quỹ Dự phòng tài chính đã trích năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016	-	(372.496.117)	372.496.117	-
Giảm khác	-	-	(323.843.678)	(323.843.678)
Tại ngày 31/12/2016	30.000.000.000	21.712.306.946	11.242.121.507	62.954.428.453

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (đại diện vốn nhà nước)	7.930.000.000	15.300.000.000
Các cổ đông khác	17.570.000.000	14.700.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	4.500.000.000	-
Cộng	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>

5.16.3. Cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.16.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.516.773.350	6.563.817.871
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.066.000.000)	(1.117.488.351)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.450.773.350	5.446.329.520
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.150</u>	<u>1.815</u>

5.17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại: USD	27.540,55	27.553,83

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	47.902.701.261	172.089.613.142
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	22.547.095.507	21.246.422.416
Doanh thu dịch vụ du lịch	13.339.930.500	10.964.148.274
Cộng	83.789.727.268	204.300.183.832

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn dịch vụ giới thiệu việc làm và cung ứng lao động	44.527.882.331	162.783.845.962
Giá vốn dịch vụ cho thuê nhà mặt bằng và dịch vụ ủy thác nhà	15.167.974.784	11.775.732.578
Giá vốn dịch vụ du lịch	12.480.862.228	10.264.853.349
Cộng	72.176.719.343	184.824.431.889

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận nhận được từ dự án 259 Điện Biên Phủ	6.000.000.000	-
Lãi tiền gửi	4.010.655.886	3.153.152.231
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.151.500	10.666.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.297.682	31.202.717
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.406.568	29.506.359
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.054.381	26.309.576
Cộng	10.140.566.017	3.250.836.883

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6.4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Dự phòng đầu tư tài chính	182.428.410	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.421.518	16.181.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	14.053.548	67.136.857
Chi phí lãi vay	2.183.000	81.407.273
Lỗ do bán chứng khoán	2.531.236	(81.453.000)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	35.776.696
Chi phí tài chính khác	110.526	-
Cộng	<u>247.728.238</u>	<u>119.049.003</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên quản lý	7.719.164.920	8.324.412.454
Chi phí vật liệu quản lý	64.625.089	31.288.034
Chi phí đồ dùng văn phòng	16.039.093	53.288.309
Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.893.172	432.726.504
Thuế, phí và lệ phí	24.178.323	2.295.539.516
Chi phí dự phòng	10.524.780	52.479.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.308.353.023	1.294.523.901
Chi phí bằng tiền khác	2.328.464.428	2.617.510.382
Cộng	<u>11.908.242.828</u>	<u>15.101.768.280</u>

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên vật liệu	84.378.627	64.828.197
Chi phí nhân công	52.543.576.851	171.284.073.669
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.994.422.612	1.990.255.944
Chi phí dự phòng	10.524.780	52.479.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.522.988.157	20.843.694.319
Chi phí khác bằng tiền	3.003.419.907	5.833.539.970
Cộng	<u>84.159.310.934</u>	<u>200.068.871.279</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.100.509.682	1.679.535.256
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.100.509.682</u>	<u>1.679.535.256</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.499.120.063	8.507.353.127
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.012.579.846	468.702.562
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(9.151.500)	(1.210.666.000)
Trừ: Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	(1.442.523.818)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	10.502.548.409	6.322.865.871
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Thuế TNDN hiện hành	2.100.509.682	1.391.030.492
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 20%	-	288.504.764
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>2.100.509.682</u>	<u>1.679.535.256</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp như: chi phí không có đầy đủ hóa đơn chứng từ; thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là các khoản thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn
2. Công ty TNHH MTV Sài Gòn Kinh Thương
3. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Du Lịch
4. Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Dầu Khí Sài Gòn Nhân Lực
5. Hội đồng quản trị
6. Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
- Công ty con
- Công ty con
- Công ty con
- Nhân sự quản lý chủ chốt
- Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thu nhập của các nhân sự quản lý chủ chốt	3.878.184.000	3.227.747.000

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	82.633.000	101.700.000

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

9.1 Các thông tin liên quan đến dự án 259 Điện Biên Phủ

Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group ngày 15/07/2009 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Bất Động Sản CT về việc thành lập Công ty Cổ phần Căn hộ Xanh CT-Dầu khí (CT Green) để thực hiện dự án xây dựng chung cư cao cấp tại khu đất 259 Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh, phía Công ty sẽ đứng ra thực hiện các thủ tục pháp lý, nghĩa vụ cần thiết liên quan đến khu đất đến khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ chuyển giao lại mặt bằng khu đất cho CT Green tiếp tục thực hiện dự án. Ngày 18/10/2016, CT Green đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa.

Ngày 18/12/2012, hai bên đã ký phụ lục 03/13/2009/PLHD/SPSC_CT Group quy định lợi ích của Công ty trong dự án 259 Điện Biên Phủ như sau:

<u>STT</u>	<u>Thời gian</u>	<u>Lợi nhuận nhận được</u>
1.	Từ năm 2014 - năm 2016	Lợi nhuận cố định mỗi năm là 02 tỷ đồng (*)
2.	Từ năm 2017 - năm 2022	Lợi nhuận cố định mỗi năm là 05 tỷ đồng
3.	Từ năm 2023 đến khi kết thúc dự án	Lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty trong Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa

(*) Trong năm 2016, Công ty đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ năm 2014 đến năm 2016 với tổng số tiền là 6 tỷ đồng vào kết quả kinh doanh trong kỳ sau khi xác định khả năng tiếp tục được thực hiện dự án.

Ngoài ra Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa sẽ thanh toán thêm cho Công ty một số khoản liên quan đến việc chuyển nhượng dự án như sau:

<u>STT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>VND</u>
1.	Lợi thế thương mại của dự án	3.000.000.000
2.	Chi phí thẩm định giá khu đất	235.238.155
3.	Tiền thuê đất năm 2011	533.676.000
	Cộng – xem thêm mục 5.13	<u>3.768.914.155</u>

Tiền thuê đất từ năm 2012 trở về sau của khu đất 259 Điện Biên Phủ sẽ được Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa thanh toán lại cho Công ty căn cứ thông báo của Chi Cục Thuế quận 3.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DẦU KHÍ SÀI GÒN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 16, Đường Phùng Khắc Khoan,
Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã nộp tiền thuê đất với số tiền là 195.848.933.000 đồng căn cứ Quyết định số 3654/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt giá trị đất tại 259 Điện Biên Phủ. Hiện tại, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy phép xây dựng để bàn giao cho Công ty Cổ phần Serenity Sky Villa theo như thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 13/2009/S.P.S.C_C.T Group nêu trên.

9.2 Các thông tin liên quan đến biến động doanh thu năm 2016

Doanh thu cung ứng lao động năm 2016 giảm 123 tỷ so với năm 2015 là do Tập đoàn đã ngưng ký hợp đồng cung ứng lao động tiếp thị cho Công ty TNHH Nhà Máy Bia Heineken Việt Nam từ tháng 4 năm 2016.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Thị Thu Hương
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2017

Người lập



Lê Tấn Tài
Kế toán trưởng